

"THUỐC TĂNG LỰC"

10/05/2024

KHUYẾN NGHỊ MUA

Giá hợp lý	77,200
Giá hiện tại	66,500
Tiềm năng tăng/giảm	16%

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

CP đang lưu hành (triệu)	70.00
Free float (%)	9.10
Vốn hóa (tỷ VND)	4,655.31
KL GDTB 3 tháng (cổ phiếu)	32,855
Sở hữu nước ngoài (%)	49.65%
Ngày niêm yết đầu tiên	12/04/2006

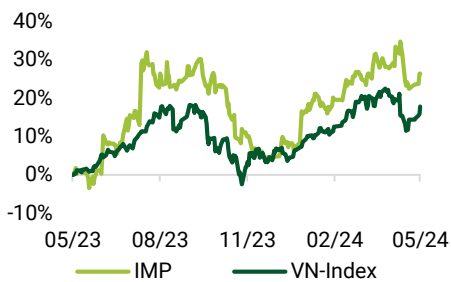
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

SK Investment Vina III Pte. Ltd	47.67%
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	22.04%
CTCP Đầu tư Bình Minh Kim	9.75%
CTCP Đầu tư KBA	7.37%
Khác	13.17%

KHÍA CẠNH TRỌNG YẾU

TTM EPS (VND)	4,051.87
BVPS (VND)	30,662
Nợ/VCSH (%)	15%
ROA (%)	11.49%
ROE (%)	13.86%
P/E	16.41
P/B	2.17
Tỷ suất cổ tức (%)	1.50%

BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU



SƠ LƯỢC VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ Phần Dược phẩm Imexpharm (HSX: IMP) được thành lập vào năm 1977 có tiền thân là Công ty Dược phẩm Cấp II với vai trò cấp phát thuốc tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Imexpharm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dược phẩm, bao gồm các loại thuốc và sản phẩm y tế khác nhau.

CHUYÊN VIÊN PHÂN TÍCH

Dương Trung Hoa  
hoaduong@phs.vn

- Trong 1Q2024, IMP ghi nhận KQKD trái chiều với doanh thu thuần tăng 2.5% YoY đạt 491 tỷ đồng trong khi LNTT giảm 21.5% đạt 77.8 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 21% và 18% so với kế hoạch năm 2024.
- IMP là doanh nghiệp nội địa có giá trị trúng thầu kênh ETC cao nhất ngành trong 1Q2024, cho thấy năng lực vượt trội và vị thế cạnh tranh mạnh của IMP so với các doanh nghiệp trong nước trong đầu thầu thuốc kênh ETC.
- Chúng tôi cho rằng IMP sẽ tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong năm 2024 nhờ (1) thuốc nội địa được ưu tiên trong cơ cấu đầu thầu nhờ các chính sách của Chính phủ, (2) tăng trưởng mạnh mẽ từ kênh ETC và (3) các nhà máy đạt tiêu chuẩn EU-GMP tạo tiềm năng tăng trưởng dài hạn.
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị **MUA** với giá hợp lý dành cho IMP là 77,200 VND/cổ phiếu, tương ứng mức tăng trưởng tiềm năng so với giá hiện tại là 16%.

Cập nhật KQKD 1Q2024

Kết thúc 1Q2024, IMP ghi nhận doanh thu thuần tăng 2.5% YoY đạt 491 tỷ đồng trong khi LNTT giảm 21.5% YoY đạt 77.8 tỷ đồng, hoàn thành lần lượt 21% và 18% so với kế hoạch năm 2024, đạt lần lượt 97% và 86% so với dự báo trước đó của PHS. Nhà máy IMP4 bắt đầu đưa vào khấu hao từ tháng 7/2023 và giá nguyên liệu API vẫn ở mức cao đến đầu năm 2024 khiến giá vốn hàng bán 1Q2024 tăng 25% YoY đạt 310 tỷ đồng là nguyên nhân chính làm suy giảm lợi nhuận trong kỳ. Do đó, biên lợi nhuận gộp giảm chỉ còn 36.8%.

Tính đến cuối năm 2023, công suất hoạt động của nhà máy IMP4 đã đạt được 61% và mang lại doanh số đạt 80 tỷ đồng sau 5 tháng hoạt động. Trong khi các nhà máy IMP1, IMP2 và IMP3 đều chưa đạt mức công suất tối đa, IMP vẫn còn nhiều dư địa để tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ hơn từ 2024 trở đi.

Kế hoạch kinh doanh năm 2024F

Cho năm 2024F, IMP đặt ra kế hoạch kinh doanh tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tốt so với năm ngoái, với doanh thu gộp tăng 24% YoY đạt 2,630 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ kênh ETC tăng trưởng mạnh mẽ hơn đạt 1,316 tỷ đồng (+49% YoY) trong khi doanh thu từ kênh OTC đạt 1,214 tỷ đồng (+12% YoY). Ngoài ra, IMP dự kiến doanh thu thuần năm 2024F tăng 19% YoY đạt 2,365 tỷ đồng và LNTT tăng 12% YoY đạt 423 tỷ đồng.

IMP tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng ở cả 2 kênh ETC và OTC trong năm 2024 với kế hoạch phủ sóng kênh OTC tại miền Bắc, khai thác tối đa khu vực miền Trung, miền Nam và khai thác 100% kênh ETC với sản phẩm là dịch truyền và bột đông khô.

Chúng tôi có cùng quan điểm với IMP với doanh thu từ kênh ETC sẽ tăng trưởng mạnh mẽ hơn so với kênh OTC, với mức tăng trưởng năm 2024F được chúng tôi dự báo lần lượt là 20% YoY và 10% YoY, thấp hơn so với dự báo của IMP dựa trên kỳ vọng tăng trưởng kênh ETC dự kiến trở về mức bình thường do đã được phục hồi tốt trong năm 2023 và thị trường OTC đã bão hòa. Qua đó, PHS dự phóng IMP sẽ ghi nhận doanh thu thuần và LNTT lần lượt là 2,267 tỷ đồng (+13.7% YoY) và 435 tỷ đồng (+15.3% YoY).

Biên lợi nhuận gộp năm 2024F dự kiến giảm 40 điểm cơ bản về mức 40.2% do bị tác động bởi giá nguyên liệu API tăng và ghi nhận chi phí khấu hao từ nhà máy IMP4. Tuy nhiên, biên lợi nhuận gộp có thể sẽ chứng kiến một sự cải thiện nhẹ qua từng quý với kỳ vọng nhu cầu API đang giảm xuống giúp giá API dự kiến sẽ giảm nhẹ trong năm nay do Ấn Độ đang thực hiện các bước để trở nên tự lực về nguồn API, giảm bớt sự phụ thuộc vào Trung Quốc.

Chính sách cổ tức: IMP dự kiến chi trả cổ tức năm 2023 và 2024 với tỷ lệ mỗi năm là 20%, bao gồm 10% bằng tiền mặt và 10% bằng cổ phiếu.

**Bảng 1: Chỉ số tài chính**

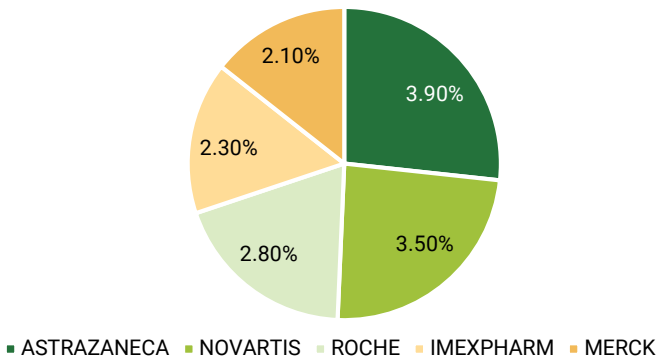
	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	1,267	1,644	1,994	2,267	2,486
LNST (Tỷ VND)	189	224	300	345	383
Biên LN gộp (%)	38.5%	42.4%	40.6%	40.2%	40.0%
Cổ tức (VND)	1,500	1,000	1,000	1,000	1,000

*Nguồn: PHS tổng hợp và dự phóng*

## Cập nhật KQKD 1Q2024

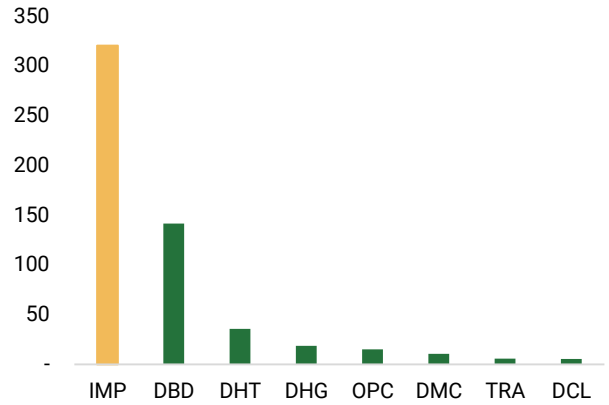
Trong năm 2023, Imexpharm là doanh nghiệp dược phẩm nội địa duy nhất góp mặt vào top 5 các doanh nghiệp có doanh thu kênh bệnh viện lớn nhất, với thị phần chiếm 2.3% trong tổng doanh số kênh bệnh viện. Đến 1Q2024, theo dữ liệu từ Cục Quản lý Dược, giá trị trúng thầu thuốc kênh ETC giảm 31.7% YoY đạt 12,277 tỷ đồng do cơ sở khám chữa bệnh lựa chọn cơ cấu thuốc hợp lý, hạn chế dùng thuốc ít cạnh tranh, chi phí lớn. Tuy nhiên, IMP vẫn tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ trong cơ cấu đấu thầu thuốc kênh ETC với doanh thu từ kênh này trong 1Q2024 đạt 320 tỷ đồng (+102% YoY). Trong khi đó, doanh thu từ kênh OTC trong 1Q2024 giảm 47% YoY đạt khoảng 171 tỷ đồng.

Hình 1: Thị phần kênh ETC năm 2023



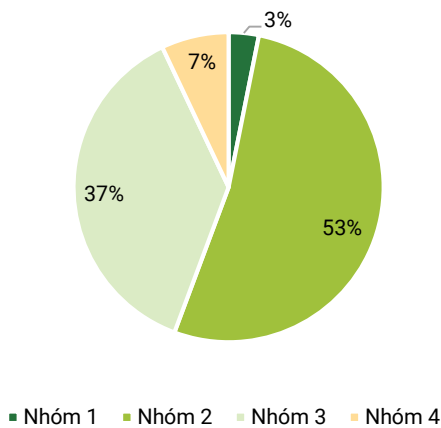
Nguồn: VTMA Ethical Market, PHS tổng hợp

Hình 2: Giá trị trúng thầu kênh ETC của các doanh nghiệp dược niêm yết 1Q2024 (Tỷ VND)



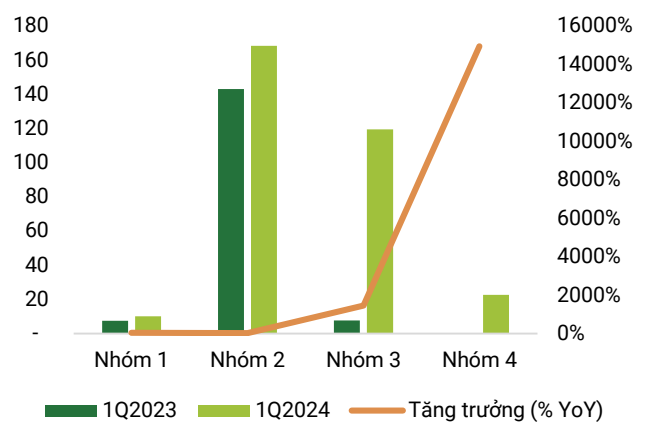
Nguồn: DAV, PHS tổng hợp và ước tính

Hình 3: Cơ cấu doanh thu đấu thầu ETC của IMP trong 1Q2024



Nguồn: DAV, IMP, PHS ước tính

Hình 4: Giá trị trúng thầu kênh ETC của IMP trong 1Q2024 (Tỷ VND)

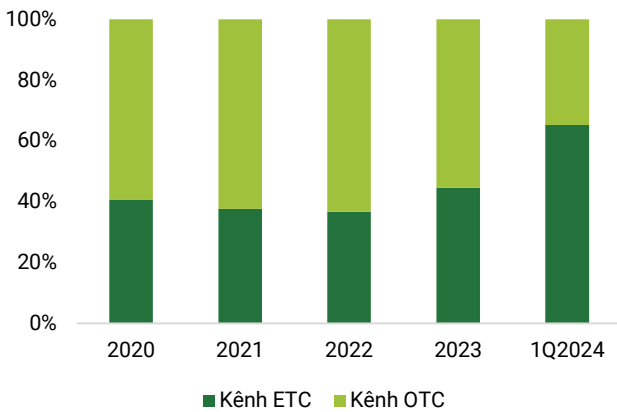


Nguồn: DAV, PHS tổng hợp và ước tính

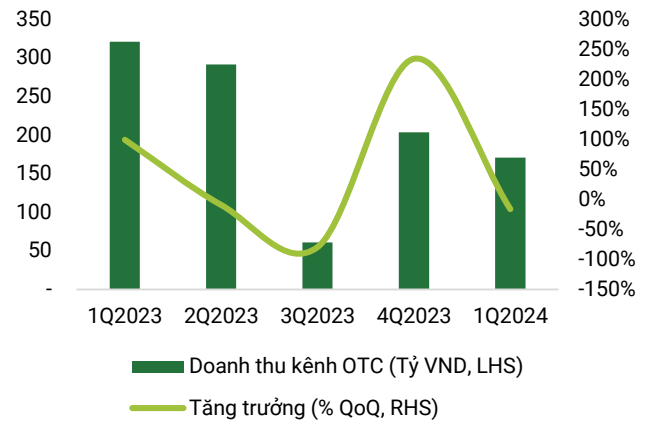
Theo ước tính của chúng tôi, IMP là doanh nghiệp có giá trị trúng thầu kênh ETC cao nhất ngành trong 1Q2024, cao hơn khoảng 2.3 lần giá trị trúng thầu của doanh nghiệp đứng hạng thứ 2, cho thấy năng lực vượt trội và vị thế cạnh tranh mạnh của IMP so với các doanh nghiệp trong nước trong đấu thầu thuốc kênh ETC. Ngoài ra, Bộ Y tế vừa ban hành Thông tư 03/2024 về danh mục thuốc và có ít nhất 03 hãng trong nước sản xuất trên dây chuyền

sản xuất thuốc đáp ứng nguyên tắc, tiêu chuẩn EU-GMP hoặc tương đương EU-GMP và đáp ứng tiêu chí kỹ thuật theo quy định của Bộ Y tế về chất lượng, giá, khả năng cung cấp. Qua đó, tạo thuận lợi nhất định cho IMP khi Công ty có 17 loại thuốc trong tổng danh sách 93 loại thuốc ban hành theo Thông tư này. Vì vậy, chúng tôi cho rằng kênh ETC vẫn sẽ là động lực tăng trưởng chính cho IMP trong năm 2024.

Doanh thu kênh ETC từ các nhóm thuốc 1, 2, 3, 4 đều ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ so với 1Q2023, lần lượt đạt 35%, 18%, 1454% và 14931% YoY. Trong đó, doanh thu thuốc nhóm 2 là động lực tăng trưởng chính cho doanh thu kênh ETC, chiếm khoảng 53% tổng doanh thu kênh ETC trong 1Q2024. Giá trị trúng thầu thuốc nhóm 2 tập trung vào nhóm thuốc kháng sinh gồm Amoxicilin + Acid clavulanic, Cefixim, Sulbactam. Trong số các mặt hàng thuốc trúng thầu do Imexpharm sản xuất, Ampicillin + Sulbactam là mặt hàng có nhiều nhà thầu cung ứng nhưng sản phẩm thuốc kháng sinh của Imexpharm được xem là đứng đầu tại thị trường Việt Nam hiện nay (bao gồm cả các công ty nước ngoài và nội địa). Trong khi đó, doanh thu thuốc nhóm 1 và nhóm 4 chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu ETC, chiếm lần lượt khoảng 3% và 7% tổng doanh thu ETC.

**Hình 5: Cơ cấu doanh thu theo kênh phân phối của IMP**


Nguồn: DAV, IMP, PHS ước tính

**Hình 6: Doanh thu kênh OTC của IMP qua các quý**


Nguồn: PHS tổng hợp và ước tính

Ngoài ra, doanh thu từ kênh OTC của IMP chứng kiến sự bất ổn định qua từng quý và cũng ghi nhận giảm khoảng 47% YoY còn 170 tỷ đồng trong 1Q2024. Tỷ trọng doanh thu từ kênh OTC cũng giảm còn 35% trong cơ cấu doanh thu của IMP, so với mức trung bình chiếm trên 50% trong giai đoạn 2021 – 2023. Tuy nhiên, IMP vẫn có kế hoạch tiếp tục phủ sóng kênh OTC qua chiến lược phát triển tại thị trường miền Bắc và khai thác tối đa khu vực miền Trung, miền Nam.

## Dự phóng KQKD 2024F

Với nhiều yếu tố thuận lợi như nhân khẩu học, mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn dân và các lợi thế trong sản xuất dòng thuốc kháng sinh với các dây chuyền sản xuất đạt tiêu chuẩn EU-GMP, chúng tôi cho rằng Imexpharm sẽ tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong năm 2024 với doanh thu thuần tăng 13.7% YoY đạt 2,267 tỷ đồng.

Doanh thu kênh ETC dự kiến tăng 20.0% YoY đạt 1,021 tỷ đồng dựa trên kỳ vọng mở rộng phạm vi bảo hiểm y tế, sự gia tăng tỷ lệ mắc các bệnh mãn tính và sự phát triển cơ sở hạ tầng của các bệnh viện, phòng khám. Ngoài ra, theo IQVIA, thuốc kháng sinh hiện đang tỷ trọng lớn nhất trong kênh ETC và được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt trong năm 2024. Đây cũng là dòng sản phẩm chủ lực của IMP khi chiếm đến 71% trong cơ cấu doanh thu 2023, đặc biệt là các dòng kháng sinh tiêm/truyền sản xuất theo tiêu chuẩn EU-GMP, sẽ giúp IMP tận dụng tốt cơ hội từ kênh ETC trong 2024F. Tuy nhiên, doanh thu kênh OTC dự kiến tăng trưởng chậm hơn, đạt 1,162 tỷ đồng (+10% YoY) khi thị trường OTC có xu hướng bão hòa.

Do nhà máy IMP4 đi vào hoạt động từ 2H2023 và giá nguyên liệu API tăng, chúng tôi điều chỉnh biên lợi nhuận gộp 2024F của IMP sẽ giảm về mức 40.2% (giảm 1.1% so với dự báo trước đó). Qua đó, LNST năm 2024F tăng 15.3% YoY đạt 345 tỷ đồng.

Trong năm 2024, Imexpharm còn có kế hoạch mở rộng danh mục sản phẩm Non-antibiotic và dự kiến xây dựng nhà máy IMP5 mới tại Khu Công nghiệp Quảng Khánh, Đồng Tháp. Dòng sản phẩm mới bao gồm các thuốc điều trị tim mạch, tiểu đường, Tai – Mũi - Họng, thuốc ho và tiêu hóa. Công ty dự kiến sẽ nhận bàn giao đất khu công nghiệp Quảng Khánh và bắt đầu xây dựng vào 2Q2024. Nhà máy được dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động năm 2026 – 2027.

Ngoài ra, vào tháng 2/2024, IMP chính thức hợp tác với Genuone Sciences - công ty dược lớn của Hàn Quốc, đánh dấu một cột mốc quan trọng giúp Imexpharm vượt trội hơn trong việc sản xuất các loại thuốc biệt dược chất lượng cao. Chúng tôi cho rằng sự hợp tác này sẽ mở đường cho IMP tham gia vào đấu thầu kênh bệnh viện ở nhóm biệt dược gốc, cạnh tranh trực tiếp với thuốc ngoại có chi phí cao hơn thuốc nội địa.

Cho năm 2025F, chúng tôi cho rằng IMP sẽ ghi nhận doanh thu thuần và LNST lần lượt đạt 2,486 tỷ đồng (+9.7% YoY) và 383 tỷ đồng (+10.9% YoY), sự tăng trưởng chính vẫn sẽ đến từ kênh ETC với doanh thu ETC năm 2025F dự kiến đạt 1,175 tỷ đồng (+15% YoY).

## Định giá và khuyến nghị

Bằng phương pháp DCF và EV/EBITDA, chúng tôi ước tính giá hợp lý dành cho IMP là 77,200 VND/cổ phiếu. Do đó, chúng tôi đưa ra khuyến nghị **Mua** cho IMP với tiềm năng tăng trưởng so với giá hiện tại là 16%.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tỷ VND

Kết quả kinh doanh	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Doanh thu thuần	1,267	1,644	1,994	2,267	2,486
Giá vốn hàng bán	(779)	(946)	(1,184)	(1,354)	(1,490)
Lợi nhuận gộp	488	697	811	912	996
Chi phí bán hàng	(181)	(269)	(310)	(345)	(371)
Chi phí QLDN	(73)	(132)	(120)	(130)	(143)
Lợi nhuận từ HĐKD	234	297	381	437	482
Lợi nhuận tài chính	0	(6)	(7)	(6)	(3)
Chi phí lãi vay	(5)	(4)	(6)	(7)	(7)
Lợi nhuận trước thuế	239	291	377	435	482
Lợi nhuận sau thuế	189	224	300	345	383
LNST của cổ đông Công ty ty mẹ	189	224	300	345	383
Cân đối kế toán	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
<b>Tài Sản Ngắn Hạn</b>	<b>1,176</b>	<b>1,104</b>	<b>1,207</b>	<b>1,354</b>	<b>1,513</b>
Tiền và tương đương tiền	271	179	106	121	157
Đầu tư tài chính ngắn hạn	112	211	93	106	116
Phải thu ngắn hạn	295	271	297	314	344
Hàng tồn kho	492	436	699	800	881
Tài sản ngắn hạn khác	5	7	12	14	15
<b>Tài Sản Dài Hạn</b>	<b>1,118</b>	<b>1,173</b>	<b>1,185</b>	<b>1,218</b>	<b>1,120</b>
Phải thu dài hạn	0	0	2	2	2
Tài sản cố định	510	489	936	947	828
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
Chi phí xây dựng dở dang	519	581	47	58	72
Đầu tư tài chính dài hạn	51	71	71	81	89
Tài sản dài hạn khác	38	33	129	129	129
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>2,295</b>	<b>2,277</b>	<b>2,393</b>	<b>2,572</b>	<b>2,633</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>500</b>	<b>382</b>	<b>308</b>	<b>396</b>	<b>348</b>
Nợ ngắn hạn	409	382	308	396	348
Nợ dài hạn	92	-	-	-	-
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>1,794</b>	<b>1,894</b>	<b>2,085</b>	<b>2,176</b>	<b>2,285</b>
Vốn góp	667	667	700	700	700
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>2,295</b>	<b>2,277</b>	<b>2,393</b>	<b>2,572</b>	<b>2,633</b>

Lưu chuyển tiền tệ	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	235	379	(30)	349	435
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(83)	(199)	70	(117)	(115)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ Tài chính	34	(272)	(112)	(218)	(283)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	186	(92)	(73)	15	37
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	85	271	179	106	121
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	271	179	106	121	157
Chỉ số tài chính	2021A	2022A	2023A	2024F	2025F
Tăng trưởng					
Doanh thu	-7.5%	29.8%	21.3%	13.7%	9.7%
Lợi nhuận sau thuế	-9.8%	18.2%	34.0%	15.3%	10.9%
Tổng tài sản	9.5%	-0.8%	5.1%	7.5%	2.4%
Tổng vốn chủ sở hữu	3.7%	5.6%	10.0%	4.4%	5.0%
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lãi gộp	38.5%	42.4%	40.6%	40.2%	40.0%
Tỷ suất EBIT	18.5%	18.0%	19.1%	19.3%	19.4%
Tỷ suất lãi ròng	14.9%	13.6%	15.0%	15.2%	15.4%
ROA	8.2%	9.8%	12.5%	13.4%	14.5%
ROE	10.5%	11.8%	14.4%	15.9%	16.8%
Hiệu quả hoạt động					
Số ngày phải thu	87	62	54	50	50
Số ngày tồn kho	228	168	214	214	214
Số ngày phải trả	40	35	18	18	18
Khả năng thanh toán					
Tỷ suất thanh toán hiện thời	2.88	2.89	3.92	3.42	4.35
Tỷ suất thanh toán nhanh	1.67	1.75	1.65	1.40	1.82
Cấu trúc tài chính					
Tổng nợ/Tổng tài sản	0.22	0.17	0.13	0.15	0.13
Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	0.28	0.20	0.15	0.18	0.15
Vay ngắn hạn/VCSH	0.23	0.20	0.15	0.18	0.15
Vay dài hạn/VCSH	0.05	-	-	-	-

(Nguồn: PHS tổng hợp)

## Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Dương Trung Hoa, Chuyên viên phân tích** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trừ trách nhiệm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,  
8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Fax: (84-28) 5 413 5472

Call Center: (84-28) 5 413 5488

Web: www.phs.vn

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,  
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 535 6060

Fax: (+84-28) 3 535 2912

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 và 5, D&D Tower,  
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận  
3, Tp.HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

### Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân  
Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2401

Fax: (+84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,  
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa,  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
Số 127 Lò Đúc, Phường Đồng Mác, Quận  
Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4566

Fax: (+84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,  
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

Phone: (+84-22) 384 1810

Fax: (+84-22) 384 1801